

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HS-ST

Ngày: 17-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà: Nguyễn Thị Nhân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: A Lăng Vượt.

Ông: Bót Xốp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông: CLâu Thìn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang tham gia phiên tòa:* ông Tạ Ngôn Ngộ – Kiểm sát viên.

Hôm nay vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

BLúp Đ, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1985 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Dân tộc: Cơ Tu; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; con ông BLúp Đ1 (đã chết) và bà ALăng B, sinh năm 1961; có vợ A Lăng D, sinh năm 1985 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024. Có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật, ông Ka Phu K, chức vụ: Phó Chủ tịch phụ trách (Công văn số 80/UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã C). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông A Lăng D1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Ông A Lăng A, sinh năm 1983; trú tại Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Vào cuối tháng 6/2024 đến đầu tháng 7/2024, bị cáo BLúp Đ mang theo 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL MS660, đi một mình vào rừng tại

Khoảnh 4, 8 Tiểu khu C, thuộc thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Tại đây bị cáo cưa hạ 08 (tám) cây gỗ gồm 05 (năm) cây Chò nâu (các gốc có ký hiệu G01/KN; G02/KN; G04/KN; G05/KN; G06/KN), 01 (một) cây Trám trắng (ký hiệu G03/KN), 01 (một) cây Sừa (Mò cua, ký hiệu G07/KN) và 01 (một) cây Dẻ đỏ (ký hiệu G08/KN trong vòng 03 (ba) ngày. Ngày đầu tiên Đ cắt hạ 03 (ba) cây, ngày thứ hai tiếp tục cắt hạ 03 (ba) cây. Đến ngày cuối cùng Đ cắt hạ 02 (hai) cây, sau đó Đ về nhà. Đến ngày thứ 04 và thứ 05 bị cáo tiếp tục vào rừng cưa xẻ ra thành 08 (tám) cây xà gồ từ cây gỗ ký hiệu G03/KN loại Trám trắng, rồi kéo trong vòng 04 (bốn) ngày về bán cho ông A Lãng D1 số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Đến ngày 03/07/2024, bị cáo tiếp tục vào vị trí nơi cưa hạ trước đó, cưa xẻ ra 04 (bốn) cây xà gồ chủng loại Chò nâu từ các gốc Chò nâu đã hạ trước đó và dùng dây dù kéo 04 (bốn) cây xà gồ để vận chuyển về nhà. Đ vận chuyển 04 (bốn) cây xà gồ trên về Trụ sở Phòng NN&NT cũ thuộc thôn B, xã C, huyện N thì bị lực lượng Kiểm Lâm rừng đặc dụng Sông Thanh thu giữ. Đến ngày 22/07/2024 và 22/08/2024 thì bị cáo được Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã C mời lên làm việc, tại đây Đ đã khai nhận về hành vi của mình.

Biên bản khám nghiệm hiện trường xác định gỗ khai thác còn lại tại hiện trường có khối lượng là 10,348m³ (Mười phẩy ba trăm bốn mươi tám mét khối).

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 20/8/2024 xác định vị trí cây bị cưa hạ thuộc Khoảnh 4, 8 Tiểu khu C, thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Đối tượng rừng: Thuộc rừng tự nhiên được quy hoạch chức năng rừng phòng hộ, đơn vị quản lý là UBND xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Căn cứ Công văn số 654/CCKL-SD&PTR ngày 16/08/2024 của Chi cục Kiểm lâm Q).

Bản Kết luận giám định số 713/CNR-VP ngày 09/9/2024 Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng – V1 kết luận: Chủng loại gỗ khai thác trái phép trong vụ án trên gồm: 05 (năm) cây Chò nâu (Tên khoa học *Dipterocapus retusus* - thuộc Nhóm VI), 01 (một) cây Trám trắng (Tên khoa học *Canarium album* - thuộc Nhóm VII), 01 (một) cây Sừa (Mò cua) (Tên khoa học *Alstonia scholaris* -), 01 (một) cây Dẻ đỏ (Tên khoa học *Lythocarpus ducampii* - thuộc Nhóm V) đều thuộc danh mục gỗ thông thường; tổng khối lượng cây gỗ bị chặt hạ là 13,386m³ (Mười ba phẩy ba trăm tám mươi sáu mét khối).

Bản Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện N kết luận 08 (tám) cây gỗ trên giá trị là: 31.182.500 (Ba mươi một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng. Đối với giá trị quyền sử dụng rừng và giá trị môi trường rừng bị thiệt hại của cây gỗ rừng theo Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hiện còn nhiều vướng mắc nên Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N trả lời không thể định giá được.

Bản Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 12/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện N kết luận 08 (tám) cây xà gồ được gắn trên nhà của ông A Lãng D1 (bị cáo bán cho ông D1) có quy cách gỗ hộp: 5,4m x 8cm x 8cm, loại gỗ Trám trắng theo chất lượng 100% có giá trị là: 0.035m³ * 2.500.000 đồng * 8 = 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 13/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện N kết luận 04 (bốn) cây xà gồ chủng loại Chò nâu do Hạt Kiểm lâm S tạm giữ, gồm: 02 (hai) cây xà gồ có chiều dài 3,6m x rộng 14cm x dày 8cm, theo chất lượng 100% có giá trị là: $0,08\text{m}^3 * 6.500.000 \text{ đồng} = 520.000 \text{ đồng}$ và 02 (hai) cây xà gồ có chiều dài 5,3m x rộng 10cm x dày 8cm, theo chất lượng 100% có giá trị là: $0,084\text{m}^3 * 6.500.000 \text{ đồng} = 546.000 \text{ đồng}$. Tổng giá trị là: 1.066.000 (Một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 (Một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL MS660, đã qua sử dụng, máy không có lưỡi cưa.

- 04 (Bốn) cây xà gồ chủng loại gỗ Chò nâu có đặc điểm cụ thể: 02 cây xà gồ có cùng kích thước tương tự nhau, có chiều dài 3,6m x rộng 14cm x dày 8cm; 02 cây xà gồ có cùng kích thước tương tự nhau, có chiều dài 5,3m x rộng 10cm x dày 8cm;

- 08 (Tám) cây xà gồ chủng loại gỗ Trám trắng, có đặc điểm và kích thước như nhau 5,4m x 8cm x 8cm. Vật chứng này đang được tạm giao cho ông A Lăng D1 quản lý;

- Đối với số gỗ bị khai thác trái phép còn lại tại hiện trường $10,348\text{m}^3$ tại K, 8 Tiểu khu C, Cơ quan chức năng đã bàn giao cho chủ rừng là UBND xã C quản lý.

Đối với dây dù và cái móc sắt mà bị cáo BLúp Đ dùng để đóng vào gỗ và kéo vận chuyển về thì qua điều tra, Đ khai là đã vứt bỏ những công cụ này ở khu vực Phòng nông nghiệp cũ, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả. Riêng cái lam gắn trên máy cưa nhãn hiệu STIHL MS660 thì bị cáo khai là do bị cong hư nên đã bán phế liệu cho một người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở truy tìm.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự UBND xã C yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về lâm sản do hành vi khai thác 08 (T) cây gỗ tự nhiên nêu trên gây ra là 31.182.500 (Ba mươi một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Người nhà bị cáo nộp bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; thống nhất bồi thường theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông A Lăng D1 có nguyện vọng tiếp tục sử dụng đối với 08 (Tám) cây xà gồ chủng loại gỗ Trám trắng mà bị cáo đã bán cho ông D1 và không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền mà ông D1 mua gỗ của bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 32/CT- VKS ngày 30/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND) huyện N truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự (Sau đây viết tắt là BLHS). Tại phiên tòa, qua phần xét hỏi và tranh luận công khai, trên cơ sở đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện VKSND huyện Nam

Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52 của BLHS; xử phạt bị cáo BLúp Đ từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự UBND xã C.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL MS660, đã qua sử dụng, không có lưỡi cưa; truy thu số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán gỗ cho ông A Lãng D1.

Đề nghị giao cho chủ rừng UBND xã C xử lý số gỗ còn lại tại hiện trường; 04 (Bốn) cây xà gồ chủng loại gỗ Chò nâu có đặc điểm cụ thể: 02 cây xà gồ có cùng kích thước tương tự nhau, có chiều dài 3,6m x rộng 14cm x dày 8cm; 02 cây xà gồ có cùng kích thước tương tự nhau, có chiều dài 5,3m x rộng 10 cm x dày 8cm.

Đề nghị giao cho ông A Lãng D1 sở hữu 08 (Tám) cây xà gồ chủng loại gỗ Trám trắng đã mua của bị cáo. Ông D1 phải nộp Nhà nước 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng là tiền định giá số gỗ trên.

Đồng thời đại diện VKSND huyện Nam Giang nêu quan điểm về các tình tiết khác liên quan đến vụ án.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và thống nhất bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất quan điểm của Kiểm sát viên và không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo đã nhận thấy được hành vi phạm tội của mình; đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra (Sau đây viết tắt là CQĐT), Điều tra viên, VKSND huyện Nam Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Sau đây viết tắt là BLTTHS). Bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Vào cuối tháng 6/2024 đến đầu tháng 7/2024, bị cáo BLúp Đ đã có hành vi dùng 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL MS660 cưa hạ trái phép

08 (tám) cây gỗ tự nhiên: gồm 05 (năm) cây Chò nâu (nhóm V2), 01 (một) cây Trám trắng (nhóm VII), 01 (một) cây Sưa (Mò cua – nhóm V) và 01 (một) cây Dẻ đỏ (nhóm V), với tổng khối lượng cây gỗ bị cưa hạ là 13,386m³ (mười ba phẩy ba trăm tám mươi sáu mét khối). Vị trí những cây gỗ mà bị cáo BLúp Đ cưa hạ tại K và K Tiểu khu C thuộc thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam được quy hoạch chức năng rừng phòng hộ, do UBND xã C quản lý. Vì vậy, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở khẳng định VKSND huyện Nam Giang truy tố bị cáo BLúp Đạo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 1 Điều 232 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo BLúp Đ là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bản thân bị cáo là thành viên Nhóm hộ bảo vệ rừng, hiểu biết pháp luật, bị cáo biết rõ khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật và biết vị trí khai thác gỗ là rừng tự nhiên thuộc rừng phòng hộ nhưng vì mục đích vụ lợi mà cố ý phạm tội. Hành vi trên của bị cáo đã xâm phạm các quy định của nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, gây hậu quả nghiêm trọng cho nhà nước trong công tác quản lý và bảo vệ rừng, làm suy giảm tài nguyên rừng, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường sinh thái tự nhiên, ảnh hưởng xấu đến công tác bảo vệ và phát triển rừng. Do đó, cần xử lý bằng chế tài Luật Hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo được hợp đồng là thành viên của Nhóm hộ bảo vệ rừng, đã lợi dụng quyền hạn được giao thực hiện hành vi khai thác trái phép 08 (tám) cây gỗ rừng trong lâm phận do mình và nhóm hộ quản lý. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại CQĐT và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do bị cáo gây ra; bị cáo tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại số tiền 2.000.000 (Hai triệu đồng). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Ngoài ra, bị cáo có cha BLúp Đ1 có công với cách mạng được tặng H, Huy chương kháng chiến; có bác ruột BLúp Đ2 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi hai con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Từ những tình tiết trên, HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo Khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị cáo là lao động phổ thông, không có thu nhập ổn định, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (Một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL MS660 đã qua sử dụng, không có lưỡi cưa là công cụ phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 10,348m³ gỗ bị khai thác trái phép còn lại tại hiện trường Khoảnh 4, 8 Tiểu khu C và 04 (Bốn) cây xà gồ chủng loại gỗ Chò nâu có đặc điểm cụ thể: 02 cây xà gồ có cùng kích thước tương tự nhau, có chiều dài 3,6m x rộng 14 cm x dày 8cm; 02 cây xà gồ có cùng kích thước tương tự nhau, có chiều dài 5,3m x rộng 10cm x dày 8cm giao cho chủ rừng là UBND xã C để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với 08 (Tám) cây xà gồ chủng loại gỗ Trám trắng, có đặc điểm và kích thước như nhau 5,4m x 8cm x 8cm khối lượng quy tròn 0.035m³, ông A Lăng D1 đã làm nhà ở, theo quy định phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, xét ông D1 đã sử dụng làm nhà ở, nếu tháo dỡ sẽ bị hỏng công năng sử dụng của ngôi nhà nên cần tuyên giao cho ông D1 được quyền sở hữu 08 (Tám) cây xà gồ trên thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Ông A Lăng D1 phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền định giá đối với 08 (Tám) cây xà gồ là 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng.

Đối với số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán gỗ cho ông A Lăng D1 cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về lâm sản do hành vi khai thác 08 (Tám) cây gỗ tự nhiên nêu trên gây ra là 31.182.500 (Ba mươi một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng; bị cáo thống nhất bồi thường số tiền trên. Xét thấy, sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo là phù hợp với quy định tại các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự 2015 nên HĐXX công nhận sự tự nguyện này. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Bị cáo còn phải bồi thường số tiền 29.182.500 (Hai mươi chín triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

[8] Về các tình tiết khác có liên quan đến vụ án:

Đối với ông A Lăng D1, mua 08 (tám) cây xà gồ từ bị cáo Đ với số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Ông D1 hoàn toàn không biết các cây xà gồ trên là do vi phạm pháp luật mà có. Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với A Lăng D1 số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng nên HĐXX không xem xét xử lý thêm. Ông D1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua gỗ của bị cáo nên HĐXX không xem xét.

Đối với nhóm hộ được giao khoán bảo vệ rừng do ông A Lăng A đại diện, Kiểm lâm địa bàn thiếu trách nhiệm trong công tác tuần tra, truy quét cũng như nắm bắt công tác quản lý, bảo vệ rừng. Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã có kiến nghị các cấp quản lý có biện pháp xử lý theo đúng quy định là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

Đối với dây dù, cái móc sắt và cái lam gắn trên máy cưa nhãn hiệu STIHL MS660: Đ khai là đã vứt bỏ, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả nên HĐXX không xem xét.

[9] Từ những căn cứ trên, xét quan điểm đề nghị của đại diện VKSND huyện Nam Giang là có cơ sở và hợp lý nên HĐXX chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo BLúp Đao là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn nộp án phí nên HĐXX miễn nộp tiền các loại án phí sơ thẩm đối với bị cáo BLúp Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo BLúp Đ phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Xử phạt bị cáo BLúp Đ 08 (T) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/10/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với nguyên đơn dân sự, cụ thể: Bị cáo BLúp Đ có nghĩa vụ bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam số tiền 31.182.500 (Ba mươi một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng, được khấu trừ 2.000.000 (Hai triệu) đồng gia đình bị cáo đã nộp tại biên bản giao nhận ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Nam Giang. Bị cáo còn phải bồi thường số tiền 29.182.500 (Hai mươi chín triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (Một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL MS660 đã qua sử dụng, máy không có lưỡi cưa. *(Vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Giang đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/12/2024).*

- Giao cho UBND xã C để xử lý theo quy định của pháp luật 10,348m³ gỗ còn lại tại hiện trường Khoảnh 4, 8 Tiểu khu C. *(Vật chứng hiện đang được UBND xã C quản lý tại biên bản giao, nhận tang vật và hiện trường ngày 20/8/2024 giữa Hạt kiểm lâm huyện N và UBND xã C).*

- Giao cho UBND xã C để xử lý theo quy định của pháp luật 04 (Bốn) cây xà gồ chủng loại gỗ Chò nâu có đặc điểm cụ thể: 02 cây xà gồ có cùng kích thước tương tự nhau, có chiều dài 3,6m x rộng 14cm x dày 8cm và 02 cây xà gồ có cùng kích thước tương tự nhau, có chiều dài 5,3m x rộng 10cm x dày 8cm. *(Vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Giang*

đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/12/2024)

- Giao cho ông A Lãng D1 được quyền sở hữu 08 (Tám) cây xà gồ chủng loại gỗ Trám trắng, có đặc điểm và kích thước như nhau 5,4m x 8cm x 8cm, có khối lượng 0.035m³. *(Vật chứng hiện đang được ông A Lãng D1 quản lý tại biên bản kiểm tra và bàn giao vật chứng của vụ án ngày 05/11/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện N và ông A Lãng D1).*

Buộc ông A Lãng D1 nộp ngân sách Nhà nước số tiền 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng bị cáo thu lợi bất chính.

4. Về án phí: Bị cáo BLúp Đ được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an tỉnh Quảng Nam (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam
(Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhân